

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../2022

Class: GOLD A2

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2: UNIT 7 - TEAM SPIRIT

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	spirit (n) /'spɪrɪt/	tinh thần	18	especially (adv) /ɪ'speʃəli/	đặc biệt
2	as well as (idiom)	cũng như	19	stone carving (n) /stəʊn kɑːrvɪŋ/	sự khắc trên đá
3	primary (adj) /'praɪməri/	căn bản	20*	hockey (n) /'hɑːki/	khúc côn cầu trên băng
4	referee (n) /,refə'reɪ/	trọng tài	21	judo (n) /'dʒuːdɔʊ/	môn võ judo
5*	refereeing course (n) /kɔːrs/	khóa bồi dưỡng trọng tài	22	practise (v) /'præktɪs/	rèn luyện, luyện tập
6	a bit	một chút	23	net (n) /net/	mạng lưới
7	DT (Design and Technology) (n)	môn thiết kế và công nghệ	24*	sports journalism (n) /'spɔːrts 'dʒɜːrnəlɪzəm/	báo chí thể thao
8*	mountain-biking (n) /'maʊntn baɪkɪŋ/	đạp xe leo núi	25	goggles (n) /'gɑːglz/	kính bảo hộ, kính râm
9	track (n) /træk/	đường đua	26	practice (v) /'præktɪs/	rèn luyện, luyện tập
10	blow a whistle /'wɪsl/	tuýt còi		practice (n) /'præktɪs/	sự rèn luyện, sự luyện tập
11	on one's own	tự sức ai đó	27	wetsuit (n) /'wetsuːt/	áo lặn giữ nhiệt
12*	fully-grown (adj) /'fʊli'grəʊn/	phát triển đầy đủ	28	throw away (phr.v) /θrəʊ ə'weɪ/	vứt đi, ném đi
13	loads of N	nhiều, hàng đồng	29	coach (n) /kəʊtʃ/	huấn luyện viên
14*	court (n) /kɔːrt/	sân	30	coaching (n) /'kəʊtʃɪŋ/	sự huấn luyện
15	ability (n) /ə'bɪləti/	năng lực, khả năng	31	equipment (n) /ɪ'kwɪpmənt/	thiết bị
16*	possibility (n) /,pɔːsə'bɪləti/	khả năng; sự có thể	32	shout at S.O	hét vào mặt ai đó
17*	surfer (n) /'sɜːrfər/	người lướt ván			

* **Note:** *n = noun: Danh từ; adj = adjective: Tính từ; v = verb: Động từ;*
phr.v = phrasal verb: Cụm động từ; idiom: Thành ngữ

* **Những từ có ký hiệu * thì có hai cách đọc.**

* **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK:

I. Read the descriptions of the following words. Then write the complete words (the first letter is already there) (Đọc mô tả của các từ sau đây. Sau đó viết thành từ hoàn chỉnh (chữ cái đầu tiên đã được cho sẵn)):

0. *The sound you make by playing instruments or singing.*

Music

1. The part of a person that includes their mind, feelings and character rather than their body.

S _ _ _ _ _

2. The official who controls the game in some sports.

R _ _ _ _ _

3. A piece of clothing made of rubber that fits the whole body closely, worn, for example, by people swimming underwater or sailing in order to keep warm.

W _ _ _ _ _

4. A thing that may happen or be true; the fact that something might happen or be true, but is not certain.

P _ _ _ _ _

5. A pair of glasses that fit closely to the face to protect the eyes from wind, dust, water, etc. or give extra visual powers.

G _ _ _ _ _

II. Fill in the blanks with the words from the box (Điền vào chỗ trống với những từ trong bảng):

<i>interested in</i>	<i>especially</i>	<i>equipment</i>	<i>coach</i>	<i>works out</i>	<i>practice</i>
----------------------	-------------------	------------------	--------------	------------------	-----------------

0. *He did not seem very interested in what I was saying.*

1. Jenny _____ in the gym two or three times a week.

2. I love Australian wines, _____ the white wines.

3. Our football _____ has worked hard to inculcate (*khắc sâu*) a team spirit into the players.

4. I need to get some more _____ before I take my driving test.

5. Radar _____ is used to detect enemy aircraft.

III. Fill in the blanks using the words in the following table to complete the exercise (Điền vào chỗ trống sử dụng những từ trong bảng sau để hoàn thành bài tập):

<i>are likely to occur</i>	will find
are going to feel	will have
are going to happen	will continue

How would you think the modern technology will change the workplace in the next 100 years?

Thanks to modern technology, there have been enormous changes in the workplace over the past 100 years.

So now, let us consider the changes that (0) ***are likely to occur*** in the next 100 years. Unfortunately, I believe that not all changes will be for the better. For example, more people are predicted to work from home and so they (1) _____ more isolated from their colleagues. On the other hand, they (2) _____ greater freedom to choose their working hours.

A further possible change is that handwriting is likely to become obsolete (*lỗi thời*). We are already so used to using a keyboard that today's children are losing the ability to spell without the aid of a word processor.

Without a doubt, even greater changes (3) _____ in technology used in the workplace. Computers (4) _____ to grow even more powerful and this will result in an even faster pace of life than we have now. Let us hope that our employers (5) _____ way to reduce the stress on worker's this fast pace can bring.

I also think these improvements in technology are likely to lead to even more globalization than now and companies will develop very strong international links.

Các con làm bài nghe theo link sau (20p – 24p): <https://youtu.be/Ycfc7fgD9D4?t=1200>

Part 5



Questions 21–25

For each question, choose the correct answer.

You will hear Charlie talking to his friend Evie about visiting his family.
What gift did he buy for each person?

Example:

Grandmother

C

People

21 grandfather

22 mother

23 father

24 brother

25 sister

Gifts

A digital radio

B book

C gloves

D backpack

E wallet

F football shirt

G jewellery

H camera

You now have six minutes to write your answers on the answer sheet.